

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2676**/BKHT-ĐTNN

Hà Nội, ngày **10** tháng **5** năm 2021

V/v thẩm định dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ưu đãi đầu tư đặc biệt



Kính gửi: Bộ Tư pháp

Điểm c Khoản 6 Điều 20 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư quy định: Thủ tướng Chính phủ quyết định mức, thời gian ưu đãi đầu tư đặc biệt theo các tiêu chí về công nghệ cao, chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi, giá trị sản xuất trong nước đối với các dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư.

Tại công văn số 509/VPCP-QHQT ngày 21 tháng 01 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ưu đãi đầu tư đặc biệt theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin gửi Hồ sơ dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ưu đãi đầu tư đặc biệt để Quý Bộ thẩm định theo quy định. Hồ sơ gồm:

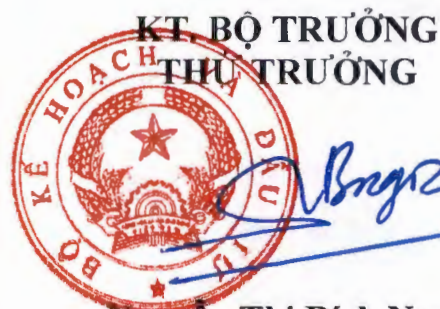
1. Tờ trình Chính phủ về dự thảo Quyết định;
2. Dự thảo Quyết định;
3. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về một số nội dung của dự thảo Quyết định (kèm theo văn bản góp ý của các Bộ, ngành).

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Bộ ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Lưu: VT, ĐTNN.

H₂



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Số: /TTr-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH**Về việc ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ưu đãi đầu tư đặc biệt**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 509/VPCP-QHQT ngày 21/01/2021 của Văn phòng Chính phủ về chủ trương xây dựng văn bản quy định mức ưu đãi đầu tư đặc biệt để đàm phán với các Tập đoàn, doanh nghiệp lớn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ưu đãi đầu tư đặc biệt gắn với 04 tiêu chí về công nghệ cao, chuyển giao công nghệ, tỷ lệ doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi, giá trị sản xuất trong nước theo quy trình, thủ tục rút gọn. Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định với các nội dung như sau:

1. Sự cần thiết ban hành Quyết định

Nghị quyết 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 đã nêu giải pháp và nhiệm vụ về hoàn thiện thể chế, chính sách thu hút đầu tư, trong đó có nội dung xây dựng thể chế, chính sách ưu đãi vượt trội, cạnh tranh quốc tế tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi thu hút các dự án lớn, trọng điểm quốc gia, dự án công nghệ cao..., thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia đầu tư, đặt trụ sở và thành lập các trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D), trung tâm đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

Để thể chế hoá nội dung tại Nghị quyết 50-NQ/TW về chính sách ưu đãi vượt trội, Luật Đầu tư năm 2020 đã quy định đối tượng áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt¹ gồm: (1) Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia do Thủ tướng Chính phủ thành lập; (2) Các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm R&D có vốn từ 3.000 tỷ đồng trở lên, giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong 3 năm; (3) Dự án trong ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong 3 năm.

Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư² đã quy định Thủ tướng Chính phủ quyết định mức, thời gian ưu đãi đầu tư đặc biệt theo các tiêu chí về công nghệ cao,

¹ Khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư năm 2020

² Khoản 6 Điều 20 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi, giá trị sản xuất trong nước đối với các dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư.

Do đó, việc xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Quyết định về ưu đãi đầu tư đặc biệt là rất cần thiết để hoàn thiện khung pháp lý về đầu tư, tạo cơ chế thu hút, khuyến khích các dự án đầu tư có quy mô lớn, thuộc các ngành công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, có sự lan tỏa, giá trị gia tăng cao và đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội của Việt Nam.

2. Quá trình xây dựng và soạn thảo

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các nội dung sau:

1. Phối hợp với các Bộ ngành để báo cáo Thủ tướng Chính phủ (tại công văn số 8002/BKHĐT-ĐTNN ngày 03/12/2020) về chủ trương xây dựng văn bản quy định ưu đãi đầu tư đặc biệt. Thủ tướng Chính phủ (tại công văn số 509/VPCP-QHQT ngày 21/01/2021) đã đồng ý với kiến nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về ưu đãi đầu tư đặc biệt theo trình tự, thủ tục rút gọn.

2. Xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt.

3. Gửi dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ xin ý kiến góp ý của các Bộ, ngành liên quan (công văn số 1686/BKHĐT-ĐTNN ngày 26/3/2021 và công văn số 1868/BKHĐT-ĐTNN ngày 01/4/2021)

4. Tổng hợp, tiếp thu và giải trình những ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành (Tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến của bộ, ban, ngành xin gửi kèm theo) và hoàn thiện Hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định (công văn số/BKHĐT-ĐTNN ngày/2021) theo quy trình thủ tục rút gọn.

5. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (công văn số...), Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện Hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Mục đích, quan điểm xây dựng Quyết định

3.1. Mục đích

Việc xây dựng Quyết định về ưu đãi đầu tư đặc biệt nhằm hướng tới việc thu hút đầu tư có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu; đồng thời ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, hướng tới xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ như đã đề ra tại Nghị quyết số 50-NQ/TW.

3.2. Quan điểm

- Phù hợp với định hướng thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc tại Nghị quyết 50/NQ-TW của Bộ Chính trị, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xu thế dịch chuyển của dòng đầu tư thế giới.

- Các điều kiện, tiêu chí có tính khả thi cao nhằm thu hút được các Tập đoàn, doanh nghiệp lớn có công nghệ tiên tiến, giá trị gia tăng cao.

- Bảo đảm tính thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thuế, công nghệ cao, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, lao động...

4. Nội dung chính của dự thảo Quyết định

Dự thảo Quyết định gồm 10 Điều với những nội dung chủ yếu sau:

4.1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

- Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt gồm: (1) ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và; (2) ưu đãi về tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với các dự án đầu tư theo quy định tại Điều 20, khoản 5 Điều 75 Luật Đầu tư năm 2020, Điều 106 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Đối tượng điều chỉnh: Quyết định này áp dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức kinh tế, nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung ưu đãi đầu tư đặc biệt được quy định tại Điều 1 Quyết định này.

4.2. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi

- Ưu đãi đầu tư đặc biệt áp dụng cho dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư năm 2020. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt được thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 20 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021.

- Trường hợp dự án đầu tư không thực hiện đúng cam kết và điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt thì tổ chức kinh tế không được áp dụng ưu đãi hoặc phải bồi hoàn ưu đãi đã hưởng.

- Tổ chức kinh tế được lựa chọn một trong bốn tiêu chí để áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt theo quy định tại Điều 5 Quyết định này. Trong năm tài chính, nếu tổ chức kinh tế không đáp ứng tiêu chí đã đăng ký nhưng đáp ứng tiêu chí khác ở mức tương đương hoặc cao hơn thì mới được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt.

- Thời điểm áp dụng thuế suất ưu đãi, thời gian miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, điều kiện áp dụng ưu đãi thuế được thực hiện theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Xuất xứ hàng hóa trong nước thực hiện theo quy định của pháp luật về xuất xứ hàng hóa.

- Ưu đãi đầu tư đặc biệt được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thỏa thuận bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Cơ quan thuế áp dụng ưu đãi hàng năm theo điều kiện, tiêu chí thực tế mà dự án đáp ứng.

Thời gian áp dụng ưu đãi còn lại được xác định bằng thời gian ưu đãi theo điều kiện ưu đãi thực tế bù trừ số năm miễn, giảm thuế, số năm áp dụng thuế suất ưu đãi đã được áp dụng trước đó.

4.3. Các mức ưu đãi đầu tư đặc biệt

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 75 Luật Đầu tư năm 2020 (sửa đổi, bổ sung Điều 13 và Điều 14 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp) và Điều 106 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước), đối với dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật Đầu tư, mức ưu đãi đầu tư đặc biệt cao nhất là: (i) thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp tối đa là: 5% trong thời gian 37,5 năm, miễn 6 năm và giảm 50% trong 13 năm; (ii) miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước tối đa trong 22,5 năm và giảm tối đa 75% tiền thuê đất.

Trên cơ sở khung ưu đãi đầu tư đặc biệt nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành đã thống nhất về việc xây dựng 3 mức ưu đãi. Trong đó, mỗi mức gồm ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế suất, thời gian áp dụng thuế suất, thời gian miễn và giảm thuế) và ưu đãi về tiền thuê đất, thuê mặt nước, cụ thể như sau:

Mức 1: Thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế suất 9% trong tối đa 20 năm, miễn thuế tối đa 5 năm và giảm 50% tiếp theo trong tối đa 10 năm); Tiền thuê đất, thuê mặt nước (miễn tối đa 18 năm và giảm tối đa 55%);

Mức 2: Thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế suất 7% trong tối đa 30 năm, miễn thuế tối đa 6 năm và giảm 50% tiếp theo trong tối đa 12 năm); Tiền thuê đất, thuê mặt nước (miễn tối đa 20 năm và giảm tối đa 65%);

Mức 3: Thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế suất 5% trong tối đa 37,5 năm, miễn thuế tối đa 6 năm và giảm 50% tiếp theo trong tối đa 13 năm); Tiền thuê đất, thuê mặt nước (miễn tối đa 22,5 năm và giảm tối đa 75%);

Như vậy, trong mỗi mức ưu đãi, chỉ có thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là cố định, còn các ưu đãi khác sẽ linh hoạt theo khả năng đáp ứng tiêu chí cụ thể và tối đa theo quy định nêu trên.

4.4. Các tiêu chí xác định áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt

Theo quy định tại điểm d, khoản 6 Điều 20 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, có 4 tiêu chí được làm căn cứ xem xét áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt, gồm:

a) Công nghệ cao

- Về căn cứ, phương pháp xây dựng:

Tiêu chí này được xây dựng trên cơ sở tham khảo quy định tại Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg ngày 16/3/2021 quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao. Tại dự thảo Quyết định này, tổ chức kinh tế lựa chọn tiêu chí về công nghệ cao để được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt cần đáp ứng cả 3 điều kiện về: (i) doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao, (ii) tổng chi cho hoạt động R&D, (iii) số lượng lao động trực tiếp thực hiện hoạt động R&D.

Nguyên tắc xây dựng mức ưu đãi: mức thấp nhất (mức 1) sẽ bằng mức quy định tại Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg ngày 16/3/2021. Tại các mức tiếp theo, điều kiện sẽ được tăng lên tương ứng. Quy định này nhằm khuyến khích doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao đáp ứng các tiêu chí cao hơn để được áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt.

- Các mức ưu đãi cụ thể:

+ Mức 1 nếu đáp ứng đồng thời cả ba điều kiện sau: (i) Doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao phải đạt ít nhất 70% trong tổng doanh thu thuần hàng năm; (ii) Tổng chi cho hoạt động R&D trên giá trị của tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào hàng năm đạt ít nhất 0,5%; (iii) Tỷ lệ lao động trực tiếp thực hiện R&D có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên trên tổng số lao động của doanh nghiệp phải đạt ít nhất 1%;

+ Mức 2 nếu đáp ứng đồng thời cả ba điều kiện sau: (i) Doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao phải đạt ít nhất 80% trong tổng doanh thu thuần hàng năm; (ii) Tổng chi cho hoạt động R&D trên giá trị của tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào hàng năm đạt ít nhất 1%; (iii) Tỷ lệ lao động trực tiếp thực hiện R&D có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên trên tổng số lao động của doanh nghiệp phải đạt ít nhất 2%.

+ Mức 3 nếu đáp ứng đồng thời cả ba điều kiện sau: (i) Doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao phải đạt ít nhất 90% trong tổng doanh thu thuần hàng năm; (ii) Tổng chi cho hoạt động R&D trên giá trị của tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào hàng năm đạt ít nhất 2%; (iii) Tỷ lệ lao động trực tiếp thực hiện R&D có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên trên tổng số lao động của doanh nghiệp phải đạt ít nhất 3%.

b) Doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi

- Về căn cứ, phương pháp xây dựng:

Tiêu chí doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị được xác định khi đáp ứng cả 2 điều kiện: (i) tỷ lệ doanh nghiệp Việt Nam trên tổng số doanh nghiệp đã ký và thực hiện hợp đồng cung cấp trực tiếp hàng hóa, linh kiện, nguyên vật liệu để sản xuất ra sản phẩm; và (ii) tỷ lệ giá trị trong giá thành sản phẩm được tạo ra bởi các doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi.

Nguyên tắc xây dựng mức ưu đãi:

- Các mức ưu đãi cụ thể:

+ Mức 1: nếu đáp ứng đồng thời cả hai điều kiện sau: (i) Có từ 30% đến dưới 40% doanh nghiệp Việt Nam trong tổng số doanh nghiệp đã ký và thực hiện hợp đồng cung cấp trực tiếp linh kiện, nguyên vật liệu để sản xuất ra sản phẩm; (ii) Tối thiểu 30% giá trị trong giá thành sản phẩm được tạo ra bởi các doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi.

+ Mức 2: nếu đáp ứng đồng thời cả hai điều kiện sau: (i) Có từ 40% đến dưới 50% doanh nghiệp Việt Nam trong tổng số doanh nghiệp đã ký và thực hiện

hợp đồng cung cấp trực tiếp linh kiện, nguyên vật liệu để sản xuất ra sản phẩm;
 (ii) Tối thiểu 40% giá trị trong giá thành sản phẩm được tạo ra bởi các doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi.

+ Mức 3: nếu đáp ứng đồng thời cả hai điều kiện sau: (i) Có trên 50% doanh nghiệp Việt Nam trong tổng số doanh nghiệp đã ký và thực hiện hợp đồng cung cấp trực tiếp linh kiện, nguyên vật liệu để sản xuất ra sản phẩm; (ii) Tối thiểu 50% giá trị trong thành sản phẩm được tạo ra bởi các doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị.

c) Giá trị sản xuất trong nước

- Về căn cứ, phương pháp xây dựng:

Tiêu chí về giá trị sản xuất trong nước được xác định trên cơ sở giá thành sản xuất toàn bộ hàng hóa, dịch vụ và nguyên liệu đầu vào có nguồn gốc xuất xứ trong nước trên giá thành của sản phẩm đầu ra cuối cùng mà tổ chức kinh tế cung cấp.

- Các mức ưu đãi cụ thể:

+ Mức 1: từ 25% đến dưới 30%

+ Mức 2: từ 30% đến dưới 40%

+ Mức 3: trên 40%

d) Chuyển giao công nghệ

- Về căn cứ, phương pháp xây dựng: theo quy định của pháp luật chuyển giao công nghệ.

- Các mức ưu đãi cụ thể:

+ Mức 1: Doanh nghiệp có cam kết chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao cho doanh nghiệp Việt Nam trong thời hạn 7 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.

+ Mức 2: Doanh nghiệp có cam kết chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao cho doanh nghiệp Việt Nam trong thời hạn 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.

+ Mức 3: Doanh nghiệp có cam kết chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao cho doanh nghiệp Việt Nam trong thời hạn 3 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.

4.5. Thảm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt

a) Về thảm quyền:

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 75 Luật Đầu tư năm 2020 (sửa đổi, bổ sung Điều 13 và Điều 14 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp) và Điều 106 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước), thảm quyền quyết định mức ưu đãi đầu tư đặc biệt là Thủ tướng Chính phủ.

b) Trình tự thủ tục:

- Đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ: trình tự, thủ tục đề nghị ưu đãi đầu tư đặc biệt thực hiện trong quá trình thẩm định theo quy định của Luật Đầu tư (điểm d, khoản 3 Điều 33, khoản 6 Điều 34, Điều 35 Luật Đầu tư)

- Đối với dự án khác: thực hiện theo thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định này.

4.6. Xác định tiêu chí, điều kiện được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt.

- Tổ chức kinh tế tự kê khai, xác định việc đáp ứng tiêu chí về công nghệ cao, doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi, giá trị sản xuất trong nước, chuyên giao công nghệ.

- Cơ quan quản lý thuế chủ trì xem xét đánh giá việc đáp ứng tiêu chí, điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt. Cơ quan quản lý chuyên ngành về khoa học và công nghệ tham gia thẩm định việc đáp ứng tiêu chí về công nghệ cao và chuyên giao công nghệ; cơ quan đăng ký đầu tư tham gia thẩm định việc đáp ứng tiêu chí về doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi; cơ quan quản lý chuyên ngành về công thương tham gia thẩm định việc đáp ứng tiêu chí giá trị sản xuất trong nước.

5. Tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Bộ ngành

Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin gửi kèm theo Phụ lục I. Tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Bộ, ngành.

6. Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

(Nội dung này sẽ được bổ sung, hoàn thiện sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp).

7. Vấn đề còn có ý kiến khác nhau

Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện dự thảo Quyết định, có 2 vấn đề còn có ý kiến khác nhau như sau:

7.1. Về tiêu chí giá trị sản xuất trong nước

- Tại Dự thảo Quyết định, tiêu chí “*giá trị sản xuất trong nước*” là một trong 04 tiêu chí áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt.

- Bộ Công Thương có ý kiến: tiêu chí “*giá trị sản xuất trong nước*” có thể vi phạm các cam kết của Việt Nam tại một số Hiệp định song phương và đa phương.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng: (i) việc ban hành Quyết định ưu đãi đầu tư đặc biệt gắn với 04 tiêu chí, trong đó có tiêu chí “*giá trị sản xuất trong nước*” đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại công văn số 509/VPCP-QHQT ngày 21/01/2021; (ii) 04 tiêu chí nêu trên đã được thể chế hóa tại điểm d khoản 6 Điều 20 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; (iii) Ngoài ra, tiêu chí “*giá trị sản xuất trong nước*” không phải điều kiện Việt Nam áp đặt hay bắt buộc các bên phải thực hiện. Trường hợp tổ chức kinh tế sử dụng hàng hoá, dịch vụ trong nước và nếu đạt được tỷ lệ nhất định thì tổ chức kinh tế sẽ được hưởng ưu đãi đầu tư

đặc biệt theo mức tương ứng. Trong trường hợp không đạt được thì doanh nghiệp vẫn được áp dụng ưu đãi đầu tư khác (nếu đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành).

7.2. Về quy định đối với miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước

- Trong ưu đãi đặc biệt, ngoài quy định ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, dự thảo Quyết định có quy định cả ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với các dự án được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt.

- Bộ Tài chính đề nghị bỏ quy định về các mức miễn, giảm tiền thuê đất tại dự thảo Quyết định do tại công văn số 509/VPCP-QHQT ngày 21/01/2021 của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng chỉ giao xây dựng các mức ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng: (i) theo quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật Đầu tư, *mức ưu đãi và thời hạn áp dụng ưu đãi đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật về đất đai*; (ii) Điều 106 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đã sửa đổi Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, theo đó quy định *Thủ tướng Chính phủ quyết định thời gian miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước và mức giảm tiền thuê đất đối với dự án quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư*; (iii) Ngoài ra, tại công văn số 509/VPCP-QHQT ngày 21/01/2021 chưa có nội dung về ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước do thời điểm đó, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 chưa được ban hành.

Trên đây là những nội dung cơ bản của dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ưu đãi đầu tư đặc biệt. Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tư pháp (để p/hợp);
- Lưu: VT, ĐTNN.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /2021/QĐ-TTg Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13 và Luật số 71/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt gồm thuế suất, thời gian áp dụng thuế suất, thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; thời gian và mức miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với các dự án đầu tư theo quy định tại Điều 20, khoản 4 Điều 75 Luật Đầu tư năm 2020 và Điều 106 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (sau đây gọi tắt là Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến ưu đãi đầu tư đặc biệt được quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chuỗi giá trị* là mạng lưới liên kết tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm hoặc dịch vụ, bao gồm các giai đoạn tiếp nối nhau từ hình thành ý tưởng, thiết kế, sản xuất, phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng.

2. *Doanh nghiệp Việt Nam* là tổ chức kinh tế được thành lập theo pháp luật Việt Nam và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư.

3. *Giá trị sản xuất trong nước* là giá thành sản xuất toàn bộ hàng hóa, dịch vụ và nguyên liệu đầu vào có nguồn gốc xuất xứ trong nước trên giá thành của sản phẩm đầu ra cuối cùng mà tổ chức kinh tế cung cấp.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng, điều chỉnh ưu đãi đầu tư đặc biệt

1. Ưu đãi đầu tư đặc biệt áp dụng cho dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư năm 2020. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 20 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Trường hợp dự án đầu tư không thực hiện đúng cam kết và điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt thì tổ chức kinh tế không được áp dụng ưu đãi hoặc phải bồi hoàn ưu đãi đã hưởng.

3. Tổ chức kinh tế được lựa chọn một trong bốn tiêu chí để áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt theo quy định tại Điều 5 Quyết định này. Trong năm tài chính, tổ chức kinh tế không đáp ứng tiêu chí hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt đã đăng ký nhưng đáp ứng tiêu chí hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt khác tương đương hoặc cao hơn mức ưu đãi đầu tư đặc biệt đã đăng ký thì được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt đó.

4. Thời điểm áp dụng thuế suất ưu đãi, thời gian miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, điều kiện áp dụng ưu đãi thuế thực hiện theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. Xuất xứ hàng hóa trong nước thực hiện theo quy định của pháp luật về xuất xứ hàng hóa.

6. Ưu đãi đầu tư đặc biệt được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thỏa thuận bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Cơ quan thuế áp dụng ưu đãi hàng năm theo điều kiện, tiêu chí thực tế mà dự án đáp ứng. Thời gian áp dụng ưu đãi còn lại được xác định bằng thời gian ưu đãi theo điều kiện ưu đãi thực tế bù trừ số năm miễn, giảm thuế, số năm áp dụng thuế suất ưu đãi đã được áp dụng trước đó.

Điều 5. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Thuế suất ưu đãi 9% trong thời hạn tối đa 20 năm áp dụng đối với thu nhập của tổ chức kinh tế từ thực hiện dự án đầu tư thuộc đối tượng của khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư năm 2020 và đáp ứng một trong bốn tiêu chí sau:

a) Thuộc lĩnh vực công nghệ cao: đồng thời đáp ứng các điều kiện sau

- Doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao của tổ chức kinh tế phải đạt ít nhất 70% trong tổng doanh thu thuần hàng năm;

- Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của tổ chức kinh tế (bao gồm khấu hao đầu tư cơ sở hạ tầng, tài sản cố định, chi thường xuyên hàng năm cho hoạt động nghiên cứu và phát triển; chi hoạt động đào tạo, hỗ trợ đào tạo cho lao động nghiên cứu và phát triển của tổ chức kinh tế, các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở đào tạo tại Việt Nam; phí bản quyền, chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp phục vụ hoạt động nghiên cứu và phát triển; phí đăng ký công nhận hoặc bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích tại Việt Nam) trên giá trị của tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào (bao gồm giá trị nguyên vật liệu, linh kiện phục vụ sản xuất nhập khẩu và mua nội địa) hàng năm đạt ít nhất 0,5%;

- Tỷ lệ lao động trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên của tổ chức kinh tế (là số lao động đã ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 01 năm trở lên hoặc hợp đồng không xác định thời hạn, trong đó lao động có trình độ cao đẳng không vượt quá 30%) trên tổng số lao động của tổ chức kinh tế đạt ít nhất 1%.

b) Doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị: đồng thời đáp ứng các điều kiện sau:

- Có từ 30% đến dưới 40% doanh nghiệp Việt Nam trong tổng số doanh nghiệp đã ký và thực hiện hợp đồng cung cấp trực tiếp hàng hóa, linh kiện, nguyên vật liệu để sản xuất ra sản phẩm.

- Có tối thiểu 30% giá thành sản phẩm được tạo ra bởi các doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị.

c) Giá trị sản xuất trong nước: đạt từ 25% đến dưới 30%.

d) Tổ chức kinh tế có hợp đồng trong đó chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao cho doanh nghiệp Việt Nam trong thời hạn 7 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.

2. Thuế suất ưu đãi 7% trong thời hạn tối đa 30 năm áp dụng đối với thu nhập của tổ chức kinh tế từ thực hiện dự án đầu tư thuộc đối tượng của khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư 2020 và đáp ứng một trong bốn tiêu chí sau:

a) Thuộc lĩnh vực công nghệ cao: đồng thời đáp ứng các điều kiện sau:

- Doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao của tổ chức kinh tế phải đạt ít nhất 80% trong tổng doanh thu thuần hàng năm;

- Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của tổ chức kinh tế (bao gồm khấu hao đầu tư cơ sở hạ tầng, tài sản cố định, chi thường xuyên hàng năm cho hoạt động nghiên cứu và phát triển; chi hoạt động đào tạo, hỗ trợ đào tạo cho lao động nghiên cứu và phát triển của tổ chức kinh tế, các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở đào tạo tại Việt Nam; phí bản quyền, chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp phục vụ hoạt động nghiên cứu và phát triển; phí đăng ký công nhận hoặc bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích tại Việt Nam) trên giá trị của tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào (bao gồm giá trị nguyên vật liệu, linh kiện phục vụ sản xuất nhập khẩu và mua nội địa) hàng năm đạt ít nhất 1%;

- Tỷ lệ lao động trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên của tổ chức kinh tế (là số lao động đã ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 01 năm trở lên hoặc hợp đồng không xác định thời hạn, trong đó lao động có trình độ cao đẳng không vượt quá 30%) trên tổng số lao động của tổ chức kinh tế đạt ít nhất 2%.

b) Doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị: đồng thời đáp ứng các điều kiện sau:

- Có từ 40% đến dưới 50% là doanh nghiệp Việt Nam trong tổng số doanh nghiệp đã ký và thực hiện hợp đồng cung cấp trực tiếp linh kiện, nguyên vật liệu để sản xuất ra sản phẩm;

- Tối thiểu 40% giá trị sản phẩm được tạo ra bởi các doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi;

c) Giá trị sản xuất trong nước: đạt từ 30% đến dưới 40%;

d) Tổ chức kinh tế có cam kết chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao cho doanh nghiệp Việt Nam trong thời hạn 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.

3. Thuế suất ưu đãi 5% trong thời hạn tối đa 37,5 năm áp dụng đối với thu nhập của tổ chức kinh tế từ thực hiện dự án đầu tư thuộc đối tượng của khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư năm 2020 và đáp ứng một trong bốn tiêu chí sau:

a) Thuộc lĩnh vực công nghệ cao: đồng thời đáp ứng các điều kiện sau:

- Doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao của tổ chức kinh tế đạt ít nhất 90% trong tổng doanh thu thuần hàng năm;

- Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của tổ chức kinh tế (bao gồm khấu hao đầu tư cơ sở hạ tầng, tài sản cố định, chi thường xuyên hàng năm cho hoạt động nghiên cứu và phát triển; chi hoạt động đào tạo, hỗ trợ đào tạo cho lao động nghiên cứu và phát triển của tổ chức kinh tế, các tổ chức khoa học và công

nghệ, cơ sở đào tạo tại Việt Nam; phí bản quyền, chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp phục vụ hoạt động nghiên cứu và phát triển; phí đăng ký công nhận hoặc bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích tại Việt Nam) trên giá trị của tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào (bao gồm giá trị nguyên vật liệu, linh kiện phục vụ sản xuất nhập khẩu và mua nội địa) hàng năm đạt ít nhất 2%;

- Tỷ lệ lao động trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên của tổ chức kinh tế (là số lao động đã ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 01 năm trở lên hoặc hợp đồng không xác định thời hạn, trong đó lao động có trình độ cao đẳng không vượt quá 30%) trên tổng số lao động của doanh nghiệp phải đạt ít nhất 3%.

b) Doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị: đồng thời đáp ứng các điều kiện sau:

- Trên 50% là doanh nghiệp Việt Nam trong tổng số doanh nghiệp đã ký và thực hiện hợp đồng cung cấp trực tiếp linh kiện, nguyên vật liệu để sản xuất ra sản phẩm;

- Tối thiểu 50% giá trị sản phẩm được tạo ra bởi các doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi;

c) Giá trị sản xuất trong nước: trên 40%;

d) Tổ chức kinh tế có hợp đồng trong đó chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao cho doanh nghiệp Việt Nam trong thời hạn 3 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.

Điều 6. Thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Miễn thuế tối đa 5 năm, giảm 50% số thuế phải nộp tối đa 10 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này.

2. Miễn thuế tối đa 6 năm, giảm 50% số thuế phải nộp tối đa 12 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định này.

3. Miễn thuế tối đa 6 năm, giảm 50% số thuế phải nộp tối đa 13 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định này.

Điều 7. Ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước

1. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước tối đa 18 năm và giảm tối đa 55% tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với các dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này.

2. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước tối đa 20 năm và giảm tối đa 65% tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với các dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định này.

3. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước tối đa 22,5 năm và giảm tối đa 75% tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với các dự án đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định này.

Điều 8. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt

1. Các dự án thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư năm 2020 đề nghị được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt thực hiện theo trình tự, thủ tục tại khoản 2 Điều này.

2. Trình tự, thủ tục đề nghị hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ thực hiện trong quá trình thẩm định theo quy định của Luật Đầu tư. Các dự án khác thực hiện theo thủ tục như sau:

a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt, trong đó giải trình việc đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Quyết định này tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các Bộ, cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện dự án.

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về việc đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

d) Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ và lập báo cáo thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ.

e) Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định việc áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt đối với từng dự án đầu tư thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt khi đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Quyết định này.

Điều 9. Xác định tiêu chí, điều kiện được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt.

1. Tổ chức kinh tế tự kê khai, xác định việc đáp ứng tiêu chí về công nghệ cao, doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi, giá trị sản xuất trong nước, chuyển giao công nghệ.

2. Cơ quan quản lý thuế chủ trì xem xét đánh giá việc đáp ứng tiêu chí, điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt. Cơ quan quản lý chuyên ngành về khoa học và công nghệ tham gia thẩm định việc đáp ứng tiêu chí về công nghệ cao và chuyển giao công nghệ; cơ quan đăng ký đầu tư tham gia thẩm định việc đáp

ứng tiêu chí về doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị; cơ quan quản lý chuyên ngành về công thương tham gia thẩm định việc đáp ứng tiêu chí giá trị sản xuất trong nước.

Điều 10. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (3b).

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

PHỤ LỤC I: GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CÁC BỘ NGÀNH

I. Về tình hình góp ý của các Bộ, ngành

Tổng số cơ quan đề nghị có ý kiến: **06** Bộ, ngành gồm Bộ: Tài chính, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Lao động, Thương binh và Xã hội, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được đủ ý kiến của **06** Bộ ngành nêu trên. Các ý kiến góp ý của các Bộ ngành tập trung vào: (i) Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; (ii) Nguyên tắc áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt; (iii) Các tiêu chí, điều kiện và mức ưu đãi; (iv) Thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục áp dụng;

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp, rà soát, và hoàn thiện dự thảo Quyết định về ưu đãi đầu tư đặc biệt theo hướng tiếp thu tối đa ý kiến của các Bộ, ngành.

(Ý kiến cụ thể của các Bộ ngành xin gửi kèm theo)

II. GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CÁC BỘ, NGÀNH

1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và quy định cụ thể đối tượng áp dụng thành một Điều riêng tại dự thảo Quyết định (Điều 2) thay vì quy định chung phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng như tại dự thảo cũ. Đồng thời, rà soát các căn cứ pháp lý để đảm bảo thống nhất với quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật về đất đai.

2. Về nguyên tắc áp dụng, điều chỉnh ưu đãi đầu tư đặc biệt

Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã bổ sung một Điều về nguyên tắc áp dụng, điều chỉnh ưu đãi đầu tư đặc biệt (Điều 4 dự thảo Quyết định) với các nội dung như sau: (i) Ưu đãi đầu tư đặc biệt được áp dụng cho cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng; (ii) Lựa chọn tiêu chí áp dụng ưu đãi; (iii) Điều chỉnh ưu đãi đầu tư; (iv) Xử lý trong trường hợp không đáp ứng điều kiện hoặc không thực hiện đúng cam kết hưởng ưu đãi; (v) Thời điểm áp dụng thuế suất ưu đãi, thời gian miễn, giảm thuế; (vi) Quy định về xuất xứ hàng hóa trong nước;

Về ý kiến của Bộ Công Thương: *Trường hợp đang hưởng mức ưu đãi cao nhưng không đáp ứng yêu cầu thì phải dừng các ưu đãi và làm lại hồ sơ đăng ký lại đối với mức ưu đãi thấp hơn, không được tự động chuyển xuống mức ưu đãi thấp hơn*: việc điều chỉnh ưu đãi đầu tư khi không đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi đã được thể hiện tại Điều 4 dự thảo Quyết định (đồng nhất với nguyên tắc tại Điều 22 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP). Tuy nhiên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin không tiếp thu nội dung yêu cầu doanh nghiệp phải làm lại hồ sơ đăng ký đối với mức ưu đãi thấp hơn do việc yêu cầu nêu trên làm phát sinh thủ tục hành chính, tạo rào cản, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc xác định tiêu chí, điều kiện hưởng ưu đãi đã được quy định tại Điều 8 dự thảo Quyết định.

3. Về các tiêu chí, điều kiện và mức ưu đãi

3.1. Về các tiêu chí hướng ưu đãi

a) Tiêu chí công nghệ cao

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công Thương bổ sung, sửa đổi các quy định tại dự thảo Quyết định về tiêu chí công nghệ cao phù hợp với Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg ngày 16/3/2021 quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao (thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15/6/2015); đồng thời nhất trí với ý kiến của Bộ Tài chính đề nghị việc xác định tỷ lệ lao động thực hiện hoạt động R&D được tính từ khi dự án bắt đầu có doanh thu và phải duy trì tỷ lệ trong suốt thời gian hoạt động của dự án (đã được quy định tại điều khoản về nguyên tắc áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt).

- Bộ Tài chính cho rằng tiêu chí về “*tổng chi cho hoạt động R&D*” và “*lao động trực tiếp thực hiện R&D có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên*” như phương án tại dự thảo còn thấp. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng đối tượng áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt là các dự án có quy mô lớn (vốn đầu tư trên 30.000 tỷ đồng) và trong lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư. Trên thực tế cho thấy, việc đáp ứng được các tiêu chí về công nghệ cao như trên là không dễ đạt được với các dự án có quy mô lớn. Tuy nhiên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đã rà soát lại và có sự điều chỉnh theo hướng: mức thấp nhất (mức 1) sẽ bằng mức quy định tại Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg. Tại các mức tiếp theo, điều kiện sẽ được tăng lên tương ứng. Quy định này nhằm khuyến khích doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao đáp ứng các tiêu chí cao hơn để được áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt.

b) Tiêu chí doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi

Tiếp thu ý kiến Bộ Công Thương và Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chỉnh lý, bổ sung các nội dung sau:

- Bổ sung, sửa đổi khái niệm “*Chuỗi giá trị*” và “*Doanh nghiệp Việt Nam*” (Điều 3 về Giải thích từ ngữ) để làm cơ sở lượng hóa các tiêu chí đánh giá, tạo thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực thi và đồng nhất với quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Điều chỉnh quy định về tiêu chí “*doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi*” theo hướng quy định cụ thể nội hàm, các điều kiện để đáp ứng tiêu chí này tại Điều 5 dự thảo Quyết định, bao gồm: (i) tỷ lệ doanh nghiệp Việt Nam trong tổng số doanh nghiệp đã ký và thực hiện hợp đồng cung cấp trực tiếp hàng hóa, linh kiện, nguyên vật liệu để sản xuất ra sản phẩm; (ii) giá thành sản phẩm tối thiểu được tạo ra bởi các doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị.

- Rà soát và điều chỉnh tỷ lệ doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi tại từng mức ưu đãi.

c) Tiêu chí giá trị sản xuất trong nước

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu ý kiến của Bộ Công Thương và điều chỉnh, sửa đổi quy định về khái niệm “*giá trị sản xuất trong nước*” tại khoản 3 Điều 3 dự thảo Quyết định để phù hợp theo quy định của pháp luật về giá¹, tránh chồng chéo, mâu thuẫn trong hệ thống pháp luật. Đồng thời, bổ sung quy định về xuất xứ hàng hóa trong nước thực hiện theo quy định của pháp luật về xuất xứ hàng hóa tại khoản 6 Điều 4 dự thảo Quyết định.

- Ngoài ra, Bộ Công Thương cho rằng các tiêu chí “*giá trị sản xuất trong nước*” có thể vi phạm các cam kết của Việt Nam tại một số Hiệp định song phương và đa phương. Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin bảo lưu nội dung này do: (i) việc ban hành Quyết định về các mức ưu đãi đầu tư đặc biệt gắn với 04 tiêu chí đánh giá về công nghệ cao, chuyển giao công nghệ, tỷ lệ doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi, giá trị sản xuất trong nước đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại công văn số 509/VPCP-QHQT ngày 21/01/2021 của Văn phòng Chính phủ, (ii) 04 tiêu chí đánh giá nêu trên đã được quy định rõ tại điểm d khoản 6 Điều 20 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; và (iii) theo các quy định tại dự thảo Nghị định, tiêu chí “*giá trị sản xuất trong nước*” không phải điều kiện Việt Nam áp đặt hay bắt buộc các bên phải thực hiện mà chỉ khuyến khích doanh nghiệp sử dụng hàng hoá, dịch vụ trong nước và nếu đạt được tỷ lệ nhất định thì doanh nghiệp sẽ được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt. Trong trường hợp không đạt được thì doanh nghiệp vẫn được áp dụng ưu đãi đầu tư khác (nếu đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành).

d) Tiêu chí chuyển giao công nghệ

- Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị chỉ quy định một mức đối với điều kiện về thời gian chuyển giao công nghệ là 5 năm. Tuy nhiên, nếu như vậy thì điều kiện tại các mức sẽ giống nhau. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát Luật chuyển giao công nghệ và Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chuyển giao công nghệ và sửa đổi, bổ sung điều kiện hưởng ưu đãi theo tiêu chí chuyển giao công nghệ theo hướng: tổ chức kinh tế có cam kết chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao cho doanh nghiệp Việt Nam trong một khoảng thời gian (3 năm – 5 năm – 7 năm) kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ. Và căn cứ theo thời gian cam kết chuyển giao thì tổ chức kinh tế sẽ được áp dụng mức ưu đãi đầu tư đặc biệt tương ứng.

e) Các Bộ: Công Thương, Lao động, Thương Binh và Xã hội đề xuất bổ sung thêm các tiêu chí như trách nhiệm xã hội, doanh nghiệp nằm trong các bảng xếp hạng uy tín, doanh nghiệp kỳ lân, doanh nghiệp có giá trị vốn hóa lớn được thế giới thừa nhận... Như nội dung đã giải trình tại công văn số 8002/BKHĐT-ĐTNN ngày 03/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư việc bổ sung các tiêu chí nêu trên là khó khả thi trong bối cảnh hiện nay do: (i) đòi hỏi thời gian nghiên cứu, trong khi việc ban hành Quyết định về ưu đãi đầu tư đặc biệt là rất cấp bách; và

¹ Theo quy định tại khoản 12 Điều 4 Luật Giá năm 2012

(ii) trong quá trình thực thi sẽ tiếp tục nghiên cứu, bổ sung thêm các tiêu chí, điều kiện phù hợp, trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung nếu cần thiết. Vì vậy, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin không tiếp thu nội dung nêu trên.

3.2. Về các mức ưu đãi đầu tư đặc biệt

- Đa số các Bộ, ngành đều thống nhất với 03 mức ưu đãi đầu tư đặc biệt tại dự thảo Quyết định. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu ý kiến Bộ Tài chính và bổ sung cụm từ “*tối đa*” vào trước các mức ưu đãi về thời gian áp dụng thuế suất và thời gian miễn, giảm thuế, thời gian miễn, giảm tiền thuê đất tại các Điều 5, Điều 6, Điều 7 dự thảo Quyết định. Theo đó, trong mỗi mức ưu đãi, chỉ có thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là cố định, các ưu đãi khác sẽ linh hoạt theo khả năng đáp ứng các tiêu chí cụ thể và *tối đa* theo quy định tại các Điều nêu trên.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin bảo lưu ý kiến đối với ý kiến của Bộ Tài Chính đề nghị bỏ quy định về các mức miễn, giảm tiền thuê đất tại dự thảo Quyết định do tại công văn số 509/VPCP-QHQT của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng chỉ giao xây dựng các mức ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp. Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin giải trình như sau: (i) Khoản 3 Điều 20 Luật Đầu tư năm 2020 quy định *Mức ưu đãi và thời hạn áp dụng ưu đãi đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật về đất đai*; (ii) Điều 106 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đã sửa đổi Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, theo đó quy định Thủ tướng Chính phủ quyết định thời gian miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước và mức giảm tiền thuê đất đối với dự án quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư; (iii) thời điểm ban hành công văn số 509/VPCP-QHQT, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 chưa được ban hành nên không có nội dung về miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước.

4. Về thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt

- Tiếp thu ý kiến của Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã bổ sung và hoàn thiện các quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt tại Điều 8 dự thảo Quyết định theo hướng: (i) đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ: trình tự, thủ tục đề nghị ưu đãi đầu tư đặc biệt thực hiện trong quá trình thẩm định theo quy định của Luật Đầu tư (điểm d, khoản 3 Điều 33, khoản 6 Điều 34, Điều 35 Luật Đầu tư); (ii) Đối với dự án khác thì thực hiện theo thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định này.

- Đồng thời, dự thảo Quyết định bổ sung quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trong việc đánh giá việc đáp ứng tiêu chí, điều kiện được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt tại khoản 2 Điều 9 dự thảo Quyết định, bao gồm: (i) thẩm quyền của cơ quan quản lý thuế; (ii) thẩm quyền của cơ quan quản lý chuyên ngành về khoa học và công nghệ; (iii) thẩm quyền của cơ quan đăng ký đầu tư; (iv) thẩm quyền của cơ quan quản lý chuyên ngành về công thương.

- Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu lại về cơ quan có thẩm quyền thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; bảo đảm tính khả thi trong quá trình thực hiện (hiện nay, tại dự thảo Quyết định Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tổ chức thẩm định hồ sơ và lập báo cáo thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt).

Về ý kiến này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin bảo lưu nội dung tại Điều 8 dự thảo Quyết định với lý do: ưu đãi đầu tư đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư; ngoài ra, trình tự, thủ tục tại Điều 8 là quá trình xem xét việc đăng ký áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt của tổ chức kinh tế. Sau đó, khi dự án đi vào hoạt động, cơ quan quản lý thuế chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên ngành về khoa học và công nghệ, cơ quan chuyên ngành về công thương, cơ quan chuyên ngành về đăng ký đầu tư xem xét đánh giá việc đáp ứng tiêu chí, điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt (được quy định tại Điều 9 dự thảo Quyết định). Quy định tại Điều 8 và Điều 9 dự thảo Quyết định là đồng nhất với các quy định về thẩm quyền của pháp luật về thuế.

- Về hồ sơ, để tránh làm phát sinh thủ tục hành chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư không xây dựng thêm biểu mẫu mới, mà quy định doanh nghiệp tự kê khai và xác định việc đáp ứng các tiêu chí, điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt để phù hợp với quy định pháp luật về đầu tư².

5. Về trình tự, thủ tục xây dựng văn bản

Tại công văn số 509/VPCP-QHQT của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý việc xây dựng và trình Quyết định về ưu đãi đầu tư đặc biệt được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn. Theo đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ hoàn thiện Hồ sơ, gửi Bộ Tư pháp thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

6. Một số ý kiến khác

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu ý kiến các đơn vị và xây dựng Tờ trình Thủ tướng Chính phủ, trong đó đã giải trình cụ thể căn cứ đối với 03 mức phương án đề xuất.

- Bổ sung vào dự thảo quy định về thời điểm áp dụng thuế suất ưu đãi, thời gian miễn giảm thuế và điều kiện áp dụng ưu đãi thuế được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; (ii) bổ sung quy định về nguyên tắc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 20 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP (trong đó có quy định về điều kiện vốn đầu tư, vốn giải ngân của dự án).

- Bộ Tài chính đề nghị sửa tên dự thảo Quyết định là Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định dự án được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt.

² Theo quy định tại Điều 17 Luật Đầu tư năm 2020, nhà đầu tư tự xác định ưu đãi đầu tư và thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan thuế, cơ quan tài chính, cơ quan hải quan và cơ quan khác có thẩm quyền tương ứng với từng loại ưu đãi đầu tư.

Tuy nhiên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin bảo lưu không tiếp thu nội dung này do Quyết định này không chỉ gồm nội dung về tiêu chí và còn quy định cả mức ưu đãi đặc biệt, quy trình, thủ tục xác định tiêu chí, điều kiện hưởng ưu đãi đặc biệt.

Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, NGÀNH

1. Bộ Tư pháp (công văn số 1220/BTP-PLDSKT ngày 26/04/2021)

- Đồng ý về sự cần thiết ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ưu đãi đầu tư đặc biệt.

- Về đối tượng áp dụng, đề nghị quy định thành một Điều riêng và không quy định chung như dự thảo Quyết định hiện nay.

- Đề nghị bổ sung quy định về thời điểm áp dụng thuế suất ưu đãi và thời gian miễn, giảm thuế; trường hợp tương tự như thời điểm xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thì cũng cần phải quy định rõ tại dự thảo Quyết định.

- Đề nghị bổ sung quy định về giải ngân tổng vốn đầu tư trong thời gian bao lâu và quy định rõ tổng vốn đầu tư kể từ khi giải ngân phải được duy trì trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

- Về trình tự, thủ tục áp dụng, đề nghị phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính nghiên cứu về cơ quan có thẩm quyền thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt (ưu đãi thuế, tiền thuê đất, thuê mặt nước) cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; bảo đảm tính khả thi trong quá trình thực hiện.

- Về trình tự, thủ tục xây dựng văn bản, đề nghị thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; đồng thời, bổ sung dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ và rà soát thể thức, kỹ thuật trình bày.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông (công văn số 938/BTTTT-KHTC ngày 23/04/2021)

- Đồng ý về sự cần thiết và tính khả thi của dự thảo Quyết định về ưu đãi đầu tư đặc biệt.

- Đối với các quy định chuyên ngành về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật chung về đất đai, Bộ Thông tin và Truyền thông không có ý kiến khác.

3. Bộ Công Thương (công văn số 1850/BCT-KH ngày 02/04/2021 và công văn số 2253/BCT-KH ngày 22/4/2021)

- Đề nghị làm rõ khái niệm “doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi” do với cách giải thích hiện tại thì số lượng doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi sản xuất bao gồm cả các đối tượng không khuyến khích là các nhà cung cấp dịch vụ, hàng hóa cho hoạt động sản xuất kinh doanh như vận tải, lưu trú, tư vấn, bảo vệ, cung cấp bữa ăn v.v...

- Đề nghị nghiên cứu khái niệm “giá trị sản xuất trong nước” theo hướng: (i) phù hợp theo quy định của pháp luật về giá; (ii) tham khảo quy định về xuất xứ hàng hóa mà Bộ Công Thương đang xây dựng; (iii) xem xét hàng hóa thuộc các chương trình cấp quốc gia có được xác định là “giá trị sản xuất trong nước” hay không.

- Đề nghị xem xét thống nhất tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao theo Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg ngày 16/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao; đồng thời quy định cụ thể thẩm quyền cơ quan xác nhận sản phẩm công nghệ cao làm cơ sở xác định giá trị doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao.

- Về các mức ưu đãi, điều kiện hưởng ưu đãi: (i) cần có quy định cơ chế giám sát, chế tài đối với trường hợp gian dối để được hưởng ưu đãi; (ii) làm rõ cơ sở tính toán các mức ưu đãi, nghiên cứu bổ sung các tiêu chí khác; (iii) hồ sơ chứng minh việc đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi và trách nhiệm quản lý của các Bộ, ngành.

- Đề nghị rà soát lại các căn cứ về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng để bảo đảm tính chính xác.

- Đề nghị xem xét kỹ các tiêu chí: (i) giá trị sản xuất trong nước và (ii) doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi do có thể vi phạm các Hiệp định song phương và đa phương.

4. Bộ Tài chính (công văn số 3844/BTC-CST ngày 13/04/2021)

- Đề nghị sửa lại tên Quyết định như sau: *“Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chí xác định dự án được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt”*.

- Bổ sung thêm điểm e vào khoản 2 Điều 6 dự thảo Quyết định như sau: *“Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định việc áp dụng cụ thể ưu đãi đầu tư đặc biệt đối với từng dự án đầu tư thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt khi đáp ứng các tiêu chí ưu đãi quy định tại Điều 3, Điều 4 dự thảo Quyết định và có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội”*.

- Bổ sung cụm từ *“tối đa”* vào trước các mức ưu đãi về thuế suất, về thời gian áp dụng thuế suất và về thời gian miễn, giảm thuế.

- Đề nghị bổ sung quy định về giải ngân tổng vốn đầu tư và quy định về bồi hoàn ưu đãi đầu tư nếu doanh nghiệp không thực hiện giải ngân theo đúng cam kết.

- Về tiêu chí *“doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi”*, đề nghị bổ sung khái niệm về chuỗi; việc cung ứng nguyên vật liệu sản xuất là trực tiếp hay gián tiếp; cách tính và cơ quan có thẩm quyền xác định.

- Về tiêu chí *“giá trị sản xuất trong nước”*, đề nghị xác định thời điểm doanh nghiệp phải đạt tỷ lệ về giá trị sản xuất trong nước để được hưởng ưu đãi và phải duy trì tỷ lệ này trong suốt thời gian hoạt động. Đồng thời, đề nghị làm rõ cách xác định tiêu chí nêu trên trong các trường hợp:

(i) NVL nhập khẩu sau đó bán qua nhiều công ty thương mại trong nước rồi bán cho nhà sản xuất trong nước thì dựa trên tiêu chí nào để xác định NVL đó là nhập khẩu hay sản xuất trong nước;

(ii) Linh kiện, phụ tùng nhập khẩu sau đó lắp ráp thành cụm linh kiện rồi bán cho nhà sản xuất, lắp ráp trong nước thì xác định giá trị linh kiện như nào hoặc doanh nghiệp cung cấp linh kiện vừa sản xuất vừa mua của doanh nghiệp khác;

(iii) Công ty lập nhiều công ty con để cung cấp NVL cho nhau từ nhiều nguồn.

- Về tiêu chí “*công nghệ cao*”, đề nghị tỷ lệ về lao động trình độ cao đẳng trở lên thực hiện R&D được tính từ khi dự án bắt đầu có doanh thu từ sản xuất, kinh doanh và duy trì trong suốt thời gian hoạt động của dự án; đồng thời, cho rằng cần tăng tỷ lệ về lao động lên mức cao hơn.

- Về điều kiện chuyển giao công nghệ, đề nghị làm rõ thời điểm chuyển giao tại thời điểm xin cấp chủ trương đầu tư; trường hợp nhà đầu tư cam kết thực hiện chuyển giao, tuy nhiên bên được nhận chuyển giao không đủ năng lực tiếp nhận hoặc từ chối thì xử lý như nào để không ảnh hưởng tới ngân sách nhà nước.

- Đề nghị bổ sung quy định về thời điểm áp dụng thuế suất ưu đãi, thời gian miễn, giảm thuế, điều kiện áp dụng ưu đãi thuế được thực hiện theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Đề nghị cần rà soát và giải trình rõ hơn, quy định việc áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt cho cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

- Đề nghị bỏ quy định về ưu đãi tiền thuê đất, mặt nước do tại công văn 509/VPCP-QHQT ngày 21/01/2021 của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng không giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng việc miễn, giảm tiền thuê đất.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ (công văn số 752/BKHCN-ĐTĐ ngày 05/04/2021)

- Đề thống nhất nội dung liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển trong doanh nghiệp giữa các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành, đề nghị nghiên cứu, sửa đổi một số nội dung như sau:

(i) Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp được tính trên tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào (bao gồm giá trị nguyên vật liệu, linh kiện phục vụ sản xuất nhập khẩu và mua nội địa) hàng năm.

(ii) Chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp bao gồm: khấu hao đầu tư cơ sở hạ tầng, tài sản cố định, chi thường xuyên hàng năm cho hoạt động nghiên cứu và phát triển; chi hoạt động đào tạo, hỗ trợ đào tạo cho lao động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp, các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở đào tạo tại Việt Nam; phí bản quyền, chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp phục vụ hoạt động nghiên cứu và phát triển; phí đăng ký công nhận hoặc bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích tại Việt Nam.

(iii) Lao động trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển có trình độ chuyên môn cao đẳng trở lên của doanh nghiệp là số lao động đã ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 01 năm trở lên hoặc hợp đồng không xác định thời hạn, trong

đó lao động có trình độ cao đẳng không vượt quá 30% tổng số lao động trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển.

- Đề nghị với điều kiện về thời gian chuyển giao công nghệ, đề nghị chỉ quy định một mức là 5 năm (thay vì hai mức 5 năm và 7 năm như trong dự thảo).

- Đề nghị bổ sung một điều quy định về hồ sơ đề nghị áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt.

6. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (công văn số 1128/LĐTĐBXH-PC ngày 23/04/2021)

- Đề nghị rà soát các mức thuế suất ưu đãi tại Điều 3 dự thảo Quyết định; đồng thời, nghiên cứu bổ sung các điều kiện về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

- Đề nghị cân nhắc về hình thức văn bản, bảo đảm phù hợp với thẩm quyền được giao tại Luật Đầu tư.